

Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học kỳ: 1 – Năm học: 2025 – 2026

Môn học/Nhóm: Bóng đá 2 – HP(23401001)
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

Số tín chỉ: 02

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
1	2123170492	Nguyễn Duy	An	18/01/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô N	10.0	7.0	9.0	8.8	
2	2123170580	Kiều Quốc	Anh	27/08/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô Q	5.0	7.0	9.0	7.5	
3	2123180057	Đặng Quốc	Bảo	16/06/2005	Công nghệ KT nhiệt B	4.0	7.0	9.0	7.3	
4	2123170429	Nguyễn Vũ Chí	Bảo	23/01/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô M	10.0	7.0	9.0	8.8	
5	2123170432	Đoàn Mạnh	Cường	01/11/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô M	4.0	7.0	5.0	5.3	
6	2123180039	Huỳnh Thái	Dương	10/01/2005	Công nghệ KT nhiệt B	7.0	5.0	9.0	7.5	
7	2122240096	Phạm Thị Thu	Hà	31/07/2004	Tiếng Anh D	8.0	9.0	6.0	7.3	
8	2123170488	Thái Thanh	Hoài	07/08/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô N	10.0	9.0	6.0	7.8	
9	2123170472	Trịnh Chí	Hương	26/09/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô N	10.0	9.0	6.0	7.8	
10	2123170443	Lê Trần Dương	Khang	08/11/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô M	10.0	9.0	6.0	7.8	
11	2123170444	Đặng Tuấn	Khanh	26/02/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô M	7.0	8.0	7.0	7.3	
12	2123170469	Nguyễn Tuấn	Khôi	18/09/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô N	7.0	8.0	7.0	7.3	
13	2123170457	Tạ Văn	Luyến	09/03/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô M	10.0	8.0	7.0	8.0	
14	2123030252	Hoàng Đức	Mạnh	23/08/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	10.0	8.0	7.0	8.0	
15	2123170425	Ngô Đỗ Đình	Nhung	19/12/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô M	10.0	8.0	7.0	8.0	
16	2123170475	Đỗ Phan Ngọc	Phát	26/06/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô N	7.0	8.0	7.0	7.3	
17	2123030254	Huỳnh Đỗ Gia	Phát	13/08/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	10.0	9.0	6.0	7.8	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
18	2123170428	Nguyễn Huỳnh Thành	Phát	01/12/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô M	8.0	9.0	6.0	7.3	
19	2123170501	Huỳnh Gia	Phú	01/11/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô N	8.0	9.0	6.0	7.3	
20	2123170460	Từ Gia	Phúc	28/08/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô M	10.0	6.0	8.0	8.0	
21	2123170445	Huỳnh Hoàng	Thiên	11/03/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô M	5.0	6.0	8.0	6.8	
22	2123030226	Nguyễn Trung	Thiện	11/02/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí G	10.0	6.0	8.0	8.0	
23	2123170490	Nguyễn Mạnh	Tình	09/11/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô N	10.0	6.0	8.0	8.0	
24	2120170105	Lưu Quang	Tú	24/04/2001	Công nghệ kỹ thuật ô tô C	0.0	0.0	0.0	0.0	
25	2123170497	Huỳnh Anh	Tuấn	09/02/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô N	0.0	0.0	0.0	0.0	

TPHCM , ngày 21 tháng 01 năm 2026

Giảng viên



Nguyễn Thanh Bình

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN
Học kỳ: 1 – Năm học: 2025 – 2026

Môn học/Nhóm: Bóng đá 2 – HP(23401001) Số tín chỉ: 02
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
1	2123170492	Nguyễn Duy	An	18/01/2005	CCQ2317N	8.8	9.0	8,90	
2	2123170580	Kiều Quốc	Anh	27/08/2005	CCQ2317Q	7.5	7.0	7,20	
3	2123180057	Đặng Quốc	Bảo	16/06/2005	CCQ2318B	7.3	8.0	7,70	
4	2123170429	Nguyễn Vũ Chí	Bảo	23/01/2005	CCQ2317M	8.8	6.0	7,10	
5	2123170432	Đoàn Mạnh	Cường	01/11/2005	CCQ2317M	5.3	6.0	5,70	
6	2123180039	Huỳnh Thái	Dương	10/01/2005	CCQ2318B	7.5	6.0	6,60	
7	2122240096	Phạm Thị Thu	Hà	31/07/2004	CCQ2224D	7.3	6.0	6,50	
8	2123170488	Thái Thanh	Hoài	07/08/2005	CCQ2317N	7.8	7.0	7,30	
9	2123170472	Trịnh Chí	Hương	26/09/2005	CCQ2317N	7.8	5.0	6,10	
10	2123170443	Lê Trần Dương	Khang	08/11/2005	CCQ2317M	7.8	8.0	7,90	
11	2123170444	Đặng Tuấn	Khanh	26/02/2005	CCQ2317M	7.3	4.0	5,30	
12	2123170469	Nguyễn Tuấn	Khôi	18/09/2005	CCQ2317N	7.3	5.0	5,90	
13	2123170457	Tạ Văn	Luyến	09/03/2005	CCQ2317M	8.0	7.0	7,40	
14	2123030252	Hoàng Đức	Mạnh	23/08/2005	CCQ2303G	8.0	9.0	8,60	
15	2123170425	Ngô Đỗ Đình	Nhung	19/12/2005	CCQ2317M	8.0	8.0	8,00	
16	2123170475	Đỗ Phan Ngọc	Phát	26/06/2005	CCQ2317N	7.3	8.0	7,70	
17	2123030254	Huỳnh Đỗ Gia	Phát	13/08/2005	CCQ2303G	7.8	7.0	7,30	
18	2123170428	Nguyễn Huỳnh Thành	Phát	01/12/2004	CCQ2317M	7.3	8.0	7,70	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
19	2123170501	Huỳnh Gia	Phú	01/11/2004	CCQ2317N	7.3	9.0	8,30	
20	2123170460	Từ Gia	Phúc	28/08/2005	CCQ2317M	8.0	9.0	8,60	
21	2123170445	Huỳnh Hoàng	Thiên	11/03/2005	CCQ2317M	6.8	8.0	7,50	
22	2123030226	Nguyễn Trung	Thiện	11/02/2005	CCQ2303G	8.0	9.0	8,60	
23	2123170490	Nguyễn Mạnh	Tình	09/11/2005	CCQ2317N	8.0	8.0	8,00	
24	2120170105	Lưu Quang	Tú	24/04/2001	CCQ2017C	0.0	6.0	3,60	
25	2123170497	Huỳnh Anh	Tuấn	09/02/2005	CCQ2317N	0.0	0.0	0,00	Nghĩ

TPHCM , ngày 21 tháng 01 năm 2026

Giảng viên



Nguyễn Thanh Bình